UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BẾ VĂN ĐÀN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2024

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BẾ VĂN ĐÀN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Văn Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Văn Quân	Phó hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
3	Trần Đức Thọ	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
4	Đặng Thị Loan	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
5	Hoàng Văn Trịnh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
6	Đặng Văn Diên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Lê Thị Bích Tuyền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Trần Huy Hiệp	Tổ phó chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Trần Thị Huyền	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	21
Tiêu chí 1.4	22
Tiêu chí 1.5	24
Tiêu chí 1.6	25
Tiêu chí 1.7	27
Tiêu chí 1.8	28
Tiêu chí 1.9	29
Tiêu chí 1.10	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2	31

Mở đầu	**32**
Tiêu chí 2.1	**32**
Tiêu chí 2.2	**33**
Tiêu chí 2.3	**35**
Tiêu chí 2.4	**36**
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	**37**
Tiêu chuẩn 3	**37**
Mở đầu	**37**
Tiêu chí 3.1	**37**
Tiêu chí 3.2	**38**
Tiêu chí 3.3	**40**
Tiêu chí 3.4	**40**
Tiêu chí 3.5	**41**
Tiêu chí 3.6	**43**
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	**44**
Tiêu chuẩn 4	**44**
Mở đầu	**44**
Tiêu chí 4.1	**44**
Tiêu chí 4.2	**46**
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	**47**
Tiêu chuẩn 5	**48**
Mở đầu	**48**
Tiêu chí 5.1	**48**
Tiêu chí 5.2	**49**
Tiêu chí 5.3	**50**

Tiêu chí 5.4	**51**
Tiêu chí 5.5	**52**
Tiêu chí 5.6	**54**
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	**56**
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	**56**
Tiêu chí 1	**57**
Tiêu chí 2	**57**
Tiêu chí 3	**58**
Tiêu chí 4	**58**
Tiêu chí 5	**59**
Tiêu chí 6	**59**
Kết luận	**59**
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	**59**
Phần IV. PHỤ LỤC	**62**

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CQG	chuẩn quốc gia
3	TĐG	Tự đánh giá
4	TH&THCS	tiểu học và trung học cơ sở

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X		
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2	X			
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4	X			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2	X			

Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chí 3.4	X			
Tiêu chí 3.5	X			
Tiêu chí 3.6	X			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	X			
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4	X			
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X		

Kết quả: Không đạt

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường không đạt

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BẾ VĂN ĐÀN

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Văn Hương
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Gia Nghĩa	Điện thoại	02613609609
Xã / phường/thị trấn	Xã Đắk R'moan	Fax	
Đạt CQG		Website	http://c12bevandan.pgdgianghia.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2007	Số điểm trường	01
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên			

kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 1	2	2	2	2	1
Khối lớp 2	2	2	2	2	2
Khối lớp 3	2	2	2	2	2
Khối lớp 4	2	2	2	2	2
Khối lớp 5	2	1	2	2	2
Khối lớp 6	1	1	1	1	1
Khối lớp 7	1	1	1	1	1
Khối lớp 8	1	1	1	1	1
Khối lớp 9	1	1	1	1	1
Cộng	14	13	14	14	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	15	23	23	23	23	
1	Phòng học	14	22	22	22	22	

a	Phòng kiên cố	6	14	14	14	14	
b	Phòng bán kiên cố	8	8	8	8	8	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

II	Khối phòng hành chính-quản trị	5	5	5	5	5	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	5	5	5	5	5	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	0	0	0	0	0	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	

Giáo viên	19	10	2	2	19	0	
Nhân viên	4	2	0	2	2	0	
Cộng	25	12	2	4	23	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	**Số liệu**	**Năm học 2019 - 2020**	**Năm học 2020 - 2021**	**Năm học 2021 - 2022**	**Năm học 2022 - 2023**	**Năm học 2023 - 2024**
1	Tổng số giáo viên	0	22	21	21	19
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	0	1.61	1.5	1.75	2.0(bậc THCS, 1,33(GV TH)
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0	0.55	0.5	0	0
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	4	6	8
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	3	3	2
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	394	393	376	355	336	
	- Nữ	192	196	193	175	161	
	- Dân tộc	98	89	91	81	76	
	- Khối lớp 1	39	52	43	44	23	
	- Khối lớp 2	63	39	47	40	43	
	- Khối lớp 3	51	58	40	40	41	
	- Khối lớp 4	38	48	48	39	40	
	- Khối lớp 5	46	36	46	43	39	
	- Khối lớp 6	43	44	32	44	44	
	- Khối lớp 7	43	41	40	28	41	
	- Khối lớp 8	34	43	37	41	26	
	- Khối lớp 9	37	32	43	36	39	
2	Tổng số tuyển mới	83	57	54	50	25	
3	Học 2 buổi/ngày	0	233	224	205	186	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	28.2	30.2	27	25.4	25.2	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi	389	367 (93.38%)	330 (87,8%)	343	320	

	học đúng độ tuổi						
	- *Nữ*	100	185 (94.4%)	89,8%	98%	98%	
	- *Dân tộc thiểu số*	100	100 (100%)		100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	10	13	7	5	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách				10		
	- *Nữ*	0	0	0	4	0	
	- *Dân tộc thiểu số*	0	0	0	1	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu						

	khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	0	10	7.9	10	15	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	0	35.6	28.3	30	46	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0	3.8	0	0	1	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	0	93	93.4	95	95	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	0	7	6.6	5	5	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	0	3.8	94.3	99.8	98	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	100	100	100	100	

Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	100	100	100	100	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1. Tổng quan về nhà trường: Trường Tiểu học và trung học cơ sở Bế Văn Đàn được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 2007 - 2008 theo quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 19/8/2007 của Ủy ban nhân dân huyện thị xã Gia Nghĩa. Trường được thành lập từ trường tiểu học Phan Đình Giót, ban đầu nhà trường chỉ có cấp tiểu học đến năm 2010 sát nhập 02 lớp của trường THCS Lý Tự Trọng thành trường TH&THCS Bế Văn Đàn cho đến nay. Trường có tổng diện tích (điểm chính) 6.138m2, tọa lạc tại thôn Tân An, xã Đăk R'Moan - thành phố Gia Nghĩa - Đăk Nông. Điểm lẻ (THCS), gồm 8 phòng học, diện tích 12.796m2. Về cơ cấu tổ chức - nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; có 4 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 27 người. Về học sinh, trường hiện có 14 lớp cho hai cấp học, bậc tiểu học có 9 lớp, bậc THCS có 04 lớp với tổng số 336 học sinh trên địa bàn 04 thôn bon của xã Đăk R'Moan. Công tác quản lý chất lượng, trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ Ban giám hiệu đến các Tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng CNTT. Để nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường đã tập trung cho việc phụ đạo HS yếu kém; bồi dưỡng HS giỏi; giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động văn nghệ, thể thao, và các hình thức ngoại khóa phù hợp với đối tượng học sinh, do đó đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng: Số HS bỏ học giảm, tỷ lệ HS lên lớp thẳng, HS giỏi, HS tiên tiến hàng năm đều tăng, trong năm gần đây nhà trường có học sinh đạt thành tích trong các phong trào thi đua về TDTT cấp thành phố, dự thi cấp tỉnh. Việc giáo dục đạo đức HS cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức HS thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng HS của người Thầy, kết hợp với nội dung cuộc vận động "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", cùng với việc giáo dục HS những giá trị cơ bản trong mục tiêu phát triển dài hạn của nhà trường. Bên cạnh đó, việc quản lý nền nếp trật tự kỷ luật HS còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ hàng ngày. Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Xây dựng , nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục" và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho CB-GV-NV nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề,

dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn… Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được cụ thể hóa bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề. Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản nhà trường. Thuận lợi cơ bản của nhà trường là có đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn, có tinh thần cố gắng, phấn đấu trong công tác. Lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong quản lý - điều hành. Khó khăn cần giải quyết hiện nay là trường còn khá nhiều học sinh dân tộc có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con cái, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập chung của nhà trường. Điều kiện về CSVC cơ bản chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu hoạt động học tập, CSVC thiếu đồng bộ nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động giáo dục.

2. Mục đích, lý do tự đánh giá; quy trình tự đánh giá; phương pháp và công cụ đánh giá: Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường gồm 8 thành viên, gồm Ban giám hiệu, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS). Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Nhóm thư ký có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch Hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các Phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá sẽ được công bố để lấy ý kiến của hội đồng sư phạm nhà trường. Trường TH&THCS Bế Văn Đàn tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Viết báo cáo tự đánh giá.

- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ Báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo

nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất, mọi quyết định chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí. Công cụ đánh giá được sử dụng là bộ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018.

3. Kết quả của quá trình tự đánh giá. Sau khi tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá nhà trường kết luận: cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục mà nhà trường đạt được theo Thông tư 18/2018/TT-BGD là: Không đạt

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá nhằm mục đích xác định kết quả đạt được trong quá trình xây dựng nhà trường theo định hướng đạt kiểm định theo từng mức độ, từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng, đạt kiểm định theo mục tiêu đề ra.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Để làm tốt công tác tự đánh giá nhà trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá số 19 /KHTĐG-BVĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 và ban hành Quyết định số 27/QĐ-TrBVĐ ngày 10 thánh 10 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá năm học 2023-2024 với 9 thành viên bao gồm đại diện Chi bộ, lãnh đạo nhà trường, đại diện các tổ chức đoàn thể và một số giáo viên có năng lực. Hiệu trưởng nhà trường là chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm chính và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, thành lập các tổ công tác, tổ thư ký đồng thời tiến hành tập huấn công tác tự đánh giá theo kế hoạch.

Tổ chức cho các thành viên tiến hành đánh giá, thu thập minh chững cho từng tiêu chí. Họp hội đồng tự đánh giá để đánh giá từng tiêu chí đạt hay chưa. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, Hoàn thành báo cáo trên hệ thống, tự đánh giá theo tiêu chí.

Trong quá trình thực hiện, hội đồng thực hiện theo quy trình hướng dẫn. Đảm bảo tính khoa học, khách quan. Đánh giá cụ thể những việc làm được, chưa làm được để đưa ra biện pháp, kế hoạch cải tiến phù hợp.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường TH&THCS Bế Văn Đàn có cơ cấu tổ chức, lớp học và học sinh theo quy định, có thành lập các tổ và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học và trung học cơ sở. Trong hoạt động luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng như quy định của ngành; trong quản lý, điều hành, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học và thực hiện việc lưu trữ, báo cáo đảm bảo đúng thời gian; tổ chức

thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua; thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh cũng như quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất; Đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện an toàn cho giáo viên và học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng Phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2010-2015, 2016-2020, 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn) và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]

- Giai đoạn 1: Từ năm 2010 – 2015:

Nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng trường TH&THCS tiến tới đạt chuẩn Quốc gia mức độ I; xây dựng thư viện đạt chuẩn.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2016 - 2020:

Tiếp tục phát huy, khẳng định uy tín và hình ảnh cuả nhà trường là một cơ sở giáo dục mạnh của thành phố, chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội, tiếp tục xây dựng thư viện thân thiện, xây dựng trường TH&THCS tiến tới đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

- Giai đoạn 3: Từ năm 2020 - 2025:

Duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để năm 2023 được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (cấp độ 1), đến năm 2025 đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Phương hướng chiến lược của nhà trường được UBND xã ĐăkRmoan và Phòng GD-ĐT thành phố Gia Nghĩa phê duyệt [H1-1.1-01]

Phương hướng chiến lược của nhà trường được công bố công khai thông qua các cuộc họp, bằng hình thức niêm yết tại bảng thông báo [H1-1.1-02] .

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-03] [H1-1.1-04]

Mức 3:

Định kỳ hằng năm nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-05]

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu là một tập thể đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Là một tập thể đoàn kết, đa phần giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường

3. Điểm yếu

Một số thành viên được giao nhiệm vụ giám sát phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường đôi lúc tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa phát huy hết năng lực; chất lượng đội ngũ chưa thực sự đều tay, còn một số ít giáo viên - nhân viên chưa thực sự say sưa tâm huyết trong công việc; số lượng giáo viên mũi nhọn còn mỏng.

Năng lực quản lý của một số thành viên Hội đồng giám sát còn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu đề ra: thiếu tính chủ động sáng tạo trong công tác lập kế hoạch và triển khai việc thực hiện các hoạt động; tiếp thu Nghị quyết của cấp trên đôi lúc còn máy móc thụ động.

Việc đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị chưa được chú trọng nên phần nào ảnh hưởng đến chiến lược phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị cấp trên bổ sung điều động những vấn đề nhà trường không thể thực hiện được như cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học đáp ứng chương trình GDPT năm 2018 ở tất cả các lớp học của hai bậc học theo như qui định.

Nhà trường tăng cường đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Xây dựng kế hoạch nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và phụ trách các Hội đồng giáo dục thông qua các đợt tập huấn và chương trình tự học tự bồi dưỡng.

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trường Tiểu học & THCS Bế Văn Đàn có Hội đồng trường được thành lập đảm bảo cơ cấu thành phần đúng quy định Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học) [H1-1.2-01]. Ngoài ra, mỗi năm học Hiệu trưởng còn ban hành Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng tư vấn [H1-1.2-03].

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường (đối với trường trung học công lập) theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học: quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục; Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04]. Nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường của trường tư thục được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục[H1-1.2-05]; Đối với các thi đua, khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học [H1-1.2-06], [H1-1.2-07]. Hội đồng trường và các Hội đồng khác có thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định [H1-1.2-08].

Mỗi năm học, nhà trường đều thực hiện tốt việc tự kiểm tra để rà soát đánh giá các hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn [H1-1.2-09].

Mức 2:

Các Hội đồng trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-10].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà trường được thực hiện theo quy chế, quy định phù hợp với từng giai đoạn phát triển

3. Điểm yếu

- Hoạt động của các Hội đồng còn chưa thường xuyên

- Các thành viên hay có sự thay đổi do chuyển công tác, không có tính ổn định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Các hội đồng hoạt động cần xây dựng kế hoạch cụ thể và đảm bảo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có các tổ chức:

1) Tổ chức Công đoàn [H1-1.3-01]

2) Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]

3) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]

Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-04], [H1-1.3-05], [H1-1.3-06].

Công đoàn, Đoàn thanh niên được đánh giá định kì hằng tháng và rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo năm học [H1-1.3-07], [H1-1.3-08]; Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh cũng được kiểm tra, đánh giá định kì theo năm học [H1-1.3-09].

Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định [H1-1.3-10]; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá luôn được đảng ủy xã Đăk R'Moan đánh giá chi bộ trong sạch vững mạnh và đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-11].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-12], *[H1-1.3-07], [H1-1.3-08], [H1-1.3-09]*.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam luôn hoàn thành chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên *[H1-1.3-11]*.

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-13].

2. Điểm mạnh

Chi bộ và các tổ chức luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trơ lên. không có vi phạm và kỷ luật

3. Điểm yếu

- Số đảng viên trong chi bộ không ổn định, thường xuyên chuyển công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên nhân viên trở thành đảng viên đảm bảo đỏ hóa trong nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021 - 2022, nhà trưởng chỉ có 01 Hiệu trưởng [H2-1.4-01], chưa có Phó Hiệu trưởng theo quy định.

Vào đầu năm học, Hiệu trường ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng và bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn

theo quy định tại Điều 14 Điều lệ trường trung học. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường trung học [H2-1.4-03].

Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H2-1.4-05]

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H2-1.4-07], *[H1-1.1-04]*

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H2-1.4-07], *[H1-1.1-04]*

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H2-1.4-07], *[H1-1.1-04]*

[H2-1.4-04] Tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

- Có kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và 15 Thông tư 32/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Mức 2:

Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H2-1.4-05]

[H1-1.4-06] Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế năm học.

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H2-1.4-07], *[H1-1.1-04]*

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H2-1.4-07], *[H1-1.1-04]*

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học và Trung học cơ sở. Đội ngũ lãnh đạo tổ đa số có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý nhiều năm và tâm huyết với công việc. Luôn có sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau nên là nòng cốt xây dựng và phát triển nhà trường. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng đầy đủ, kịp thời các loại kế hoạch hoạt động và có tính khả thi cao. Do vậy khi thực hiện các nhiệm vụ luôn chủ động, có sự phối hợp nhịp nhàng và đem lại hiệu quả cao. Sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đi vào nề nếp, phát huy được trí tuệ tập thể. Các tổ luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Trong sinh hoạt tổ chuyên môn vẫn còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn phát biểu xây dựng; chưa thật tích cực, tự giác đăng ký thao, hội giảng, hoặc tham gia phong trào, hội thi. Một số buổi sinh hoạt tổ chuyên môn thư ký ghi chép nội dung

chưa thể hiện đầy đủ các vấn đề thảo luận trong tổ nên nội dung ghi trong sổ còn sơ sài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tập huấn bồi dưỡng cho tổ trưởng kỹ năng sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Kịp thời động viên, khuyến khích tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên mạnh dạn phát biểu, đăng ký các tiết dạy thao giảng, hội giảng, tham gia các hội thi do trường và ngành tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ của tổ chuyên môn để nhắc nhở điều chỉnh kịp thời. Lãnh đạo trường dành thời gian để cùng dự sinh hoạt chuyên môn với tổ ít nhất một tháng một lần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có đủ các lớp cấp học [H3-1.5-01], [H3-1.5-02]

Bậc tiểu học: 9 lớp

+ Khối 1: 1 lớp

+ Khối 2: 2 lớp

+ Khối 3: 2 lớp

+ Khối 4: 2 lớp

+ Khối 5: 2 lớp

- Bậc THCS: 04 lớp

+ Khối 6: 1 lớp

+ Khối 7: 1 lớp

+ Khối 8: 1 lớp

+ Khối 9: 1 lớp

Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H3-1.5-03], [H3-1.5-01]

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Học sinh được tham gia tự đánh giá, đánh giá bạn, được tự ứng cử các chức danh của hội đồng tự quản hoặc đề cử và bình bầu cho bạn. Lớp Học có hoạt động đúng theo nguyên tắc tự quản, dân chủ *[H3-1.5-03]*.

Mức 2:

Trường có 13 lớp học. Sỹ số học sinh trong 13 lớp đúng quy định [H3-1.5-03]

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh. Tuy nhiên, do cấp trung học cơ sở chỉ có 4 lớp cho mỗi khối nên số học sinh vượt quá 40 (bốn mươi) em *[H3-1.5-01]*

2. Điểm mạnh

Lớp học của trường được tổ chức theo quy định.

3. Điểm yếu

- Sĩ số của các lớp học không đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và trung học cơ sở nên trong quản lý, giảng dạy tạo áp lực đối với giáo viên: chưa thật sâu sát hết đối với từng học sinh trong từng giờ dạy.

- Sĩ số học sinh không có tính ổn định, cha mẹ học sinh chuyển đi làm ăn kinh tế nên chuyển con đi học nơi khác nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nâng cao công tác tuyên truyền về nhận thức cho phụ huynh không để phụ huynh gửi con đi nới khác để làm ăn kinh tế, cần thiết ổn định cho các cháu được học gần nhà, gần trường. Nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên để phụ huynh yên tâm gửi con học tại trường.

- Tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo sớm triển khai kế hoạch xây dựng thêm phòng bộ môn và bổ sung thêm giáo viên để sĩ số HS đảm bảo đúng qui định theo điều lệ vào những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ [H4-1.6-01], [H5-1.6-02].

[H1-1.6-04] Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành

Hằng năm, kế toán nhà trường đều tham mưu lãnh đạo lập dự toán, thực hiện thu chi, thống kê, báo cáo tài chính cơ sở vật chất đúng thời gian quy định, luôn công khai trước tập thể nhà trường. Hiệu trưởng thực hiện tốt việc tự kiểm tra quản lý sử dụng tài chính, tài sản mỗi năm ít nhất 2 cuộc. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được công khai bàn bạc, trao đổi và điều chỉnh hằng năm cho phù hợp trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức lao động [H5-1.6-03], [H5-1.6-04], [H5-1.6-05].

Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều có ý thức quản lý, sử dụng tài sản luôn đúng mục đích, hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H5-1.6-07], [H5-1.6-08], [H5-1.6-09]

Mức 2:

Nhà trường đã Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H5-1.6-10]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán *[H5-1.6-05]*.

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H5-1.6-11]

2. Điểm mạnh

Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định;

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước;

Xây dựng Quy chế chi nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm trong chi tiêu.

3. Điểm yếu

- Trong việc thực hiện phần mềm quản lý tài chính đôi khi còn hạn chế, bất cập

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Có kế hoạch thực hiện thành thạo phần mềm cho CBQL theo từng năm trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, và thực hiện nhiệm vụ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên sát với thực trạng của đơn vị. Hiện nay 92% cán bộ giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có 01 giáo viên đang học nâng chuẩn và 01 giáo viên đã đăng ký đi học [H6-1.7-01].

Đầu mỗi năm học, căn cứ thực trạng đơn vị, nhà trường tiến hành phân công nhân sự rõ ràng, đúng năng lực, công khai, minh bạch. Năm học 2023-2024 nhà trường có 21 giáo viên dạy 13 lớp học, trong đó, cấp THCS 08 giáo viên/4 lớp, đạt tỷ lệ 2,0 GV/lớp; cấp tiểu học 13 giáo viên/9 lớp, đạt tỷ lệ 1,33 GV/lớp. 9 lớp tiểu học học 2 buổi/ngày; Trong tổng số 21 giáo viên trực tiếp giảng dạy có 3 giáo viên dạy bộ môn gồm: 1 GV Thể dục; 2 GV Tiếng Anh; Với số lượng giáo viên như vậy đảm bảo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 35/2006/TTLT/BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục, đủ số lượng và cơ cấu đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định [H6-1.7-02]

Cán bộ, giáo viên được đảm bảo các quyền như quy định tại Điều 29, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 [H6-1.7-05], [H6-1.7-06]

Mức 2:

Nhà trường luôn quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp để phát hiện và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên có năng lực. Tạo điều kiện cho các thầy cô này tham gia nhiều lớp tập huấn, tự học; mở nhiều chuyên đề để cán bộ, giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau *[H1-1.1-04]*.

2. Điểm mạnh

- Đảm bảo các kế hoạch theo quy định

3. Điểm yếu

Trong việc phân công nhiệm vụ do thiếu giáo viên đứng lớp nên trong quá rình phân công giáo viên còn đôi lúc hạn chế dẫn đến chất lượng chưa cao

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục duy trì điểm mạnh trong công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB,GV,NV; phân công nhân sự; đảm bảo quyền lợi cho CB,GV,NV.

Đề nghị cấp trên bổ sung giáo viên đủ trong năm học 2023-2024

Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc học tập, bồi dưỡng; động viên khuyến khích GV lớn tuổi tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức bồi dưỡng ở tổ chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên cá nhân đảm bảo về thời gian, nội dung bồi dưỡng hợp lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H6-1.8-01].

Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Xây dựng thời khóa biểu dựa trên phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, dạy đủ các môn học, đúng chương trình, đúng kế hoạch đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định [H6-1.8-02], [H6-1.8-03], *[H6-1.7-04]*.

Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời *[H1-1.1-04]*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H6-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch xây dựng đã bám sát tình hình thực tiễn và triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu đề ra

3. Điểm yếu

- Do đội ngũ thiếu nên việc triển khai kế hoạch giáo dục nhiều lúc gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị các cấp điều động Phó Hiệu trưởng, giáo viên về kịp thời ngay đầu năm học 2023-2024 để nhà trường triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng Quy chế dân chủ trong hoạt động trường học theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức tại Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu năm học. Quy chế dân chủ nêu rõ trách nhiệm từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy và người học nên hàng năm không có cán bộ, viên chức nào vi phạm Quy chế *[H6-1.7-06],* [H6-1.9-01].

Trong 5 năm liên tục nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H6-1.9-02], *[H1-1.1-04]*

Mỗi năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ. Ban thanh tra nhân dân theo dõi và có báo cáo về việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hàng năm Công đoàn tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ và báo cáo về cấp trên theo đúng quy định [H6-1.9-02]

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả *[H6-1.9-03]*

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm nhà trường đều xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường đầy đủ, đúng quy trình và tổ chức thực hiện tốt, do đó dân chủ trong nhà trường được phát huy, từ đó các hoạt động của nhà trường cũng đạt hiệu quả cao hơn, tập thể luôn giữ được mối đoàn kết và xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh.

3. Điểm yếu

Do tâm lí e ngại nên một số cán bộ, giáo viên và nhân viên chưa đóng góp ý kiến nhiều trong các cuộc họp nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng cùng chủ tịch công đoàn sẽ tạo điều kiện tối đa để cán bộ, giáo viên và nhân viên phát huy dân chủ của mình trong các cuộc họp

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các kế hoạch thực hiện đảm bảo an ninh trật tự [H6-1.10-01]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H6-1.10-05]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H6-1.10-02]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H6-1.10-06]; phòng, chống dịch bệnh [H6-1.10-04]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực [H6-1.10-03].

Trường TH&THCS Bế Văn Đàn. BGH nhà trường đã xin chủ trương xây dựng trường học tự quản về ANTT thực hiện mô hình "3 không và Camera giám sát". Cụ thể : 3 không đó là : Không ma túy – thuốc lá; không bạo lực học đường; không có học sinh nghiện Game trong trường học và Camera giám sát: giám sát tình hình hoạt động của nhà trường; giám sát học sinh chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường; điểm hoạt động xung quanh nhà trường ảnh hưởng đến việc học tập, đi lại của GV và HS; giám sát tình hình ANTT trong và ngoài nhà trường.

Nhà trường có 01 hộp thư góp ý đặt ở vị trí thuận tiện để cha mẹ học sinh dễ dàng phản ánh thông tin. Ngoài ra nhà trường còn cung cấp đầy đủ số điện thoại của Lãnh đạo nhà trường cho tất cả cha mẹ học sinh và giáo viên trong đơn vị, sẵn sáng tiếp nhận và xử lý thông tin khi được cung cấp; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H6-1.10-07]

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường *[H1-1.1-04]*

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H6-1.10-08]

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả *[H1-1.1-04]*

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch tuyên truyền đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Hàng năm nhà trường kết hợp với công an xã đã đề ra kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực trường học. Y tế học đường nhà trường luôn xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh

Trường có đội cờ đỏ của Liên đội thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nhắc nhở kịp thời. CB-VC, học sinh của trường có ý thức thực hiện góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường. Trong năm qua, nhà trường không để xảy ra hiện tượng mất trật tự, an ninh.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một vài học sinh vi phạm quy chế nhà trường trong việc đi xe máy đến trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tuyên truyền phụ huynh quan tâm, đưa đón học sinh, không giao xe máy cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 9/10 (9/10) tiêu chí chiếm 90 %
    - Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 9/10 (4/5) tiêu chí chiếm 90 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý không những có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn luôn tận tụy, tâm huyết với công việc. Ban giám hiệu nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, hướng dẫn tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn.Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học và của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 32/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo) [H7-2.1-01]. Nhà trường chưa có Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H7-2.1-03]

Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H7-2.1-04]

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Tốt trở lên [H7-2.1-03].

Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H7-2.1-04], [H7-2.1-05], [H7-2.1-06].

Mức 3:

Hiệu trưởng nhà trường trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt trở lên *[H7-2.1-03]*

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Điểm yếu

Công tác quản lý tài chính, tài sản công còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đề nghị cấp trên tổ chức bồi dưỡng thêm công tác quản lý tài chính, tản sản công.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 21 giáo viên dạy 13 lớp học, trong đó, cấp THCS 08 giáo viên/4 lớp, đạt tỷ lệ 2,0 GV/lớp; cấp tiểu học 13 giáo viên/9 lớp, đạt tỷ lệ 1,33 GV/lớp. 9 lớp tiểu học học 2 buổi/ngày; Trong tổng số 21 giáo viên trực tiếp giảng dạy có 3 giáo viên dạy bộ môn gồm: 1 GV Thể ; 2 GV Tiếng Anh; Với số lượng giáo viên như vậy đảm bảo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 35/2006/TTLT/BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục, đủ số lượng và cơ cấu đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định [H7-2.2-01], *[H6-1.7-02]*.

Giáo viên của trường có 18/19 người đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Điều lệ trường trung học, đạt tỉ lệ 91% [H7-2.2-01], [H7-2.2-02]. Hiện có 01 giáo viên đang học đại học.

Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H7-2.2-03], [H7-2.2-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H7-2.2-02]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H7-2.2-04].

Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học ; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H7-2.2-05], *[H1-1.1-04]*, *[H1-1.2-10]*.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt *[H7-2.2-04]*

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H7-2.2-06].

2. Điểm mạnh

Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với nghề, luôn phát huy tốt năng lực chuyên môn trong giảng dạy.

Hàng năm học đều có giáo viên tham gia các lớp học để nâng cao trình độ

3. Điểm yếu

- Vẫn còn 1 giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định

- Còn thiếu giáo viên công tác ở bậc học THCS, Tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đi học nâng chuẩn

- Kiến nghị cấp trên điều động giáo viên bậc THCS, tiểu học về công tác theo quy định

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. Số lượng hiện có như sau: 01 nhân viên Kế toán - thủ quỹ; 01 nhân viên y tế (kiêm nhiệm thư viện - thiết bị), 02 bảo vệ (hợp đồng theo NĐ 111/2022) cho 2 cấp học [H7-2.3-01].

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H7-2.3-03]

Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H7-2.3-04].

Mức 2:

Nhà trường không có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập(có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017). Hiện tại nhà trường còn thiếu 01 nhân viên thư viện - thiết bị.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H7-2.3-04], *[H1-1.1-04], [H1-1.2-10]*.

Mức 3:

Nhân viên kế toán có bằng trung cấp kế toán, nhân viên văn thư thủ quỹ có bằng trung cấp kế toán và chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ, nhân viên y tế có bằng trung cấp điều dưỡng, hàng năm được tham gia tập huấn thư viện thiết bị do cấp trên tổ chức, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H7-2.3-05]

Hằng năm, nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H7-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên đều đạt trình độ chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định. Ban giám hiệu đảm bảo các quyền của nhân viên, quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên làm việc và học tập, bố trí và sử dụng nhân viên phù hợp với năng lực của nhân viên.

3. Điểm yếu

Đội ngũ nhân viên theo cơ cấu số lượng và vị trí việc làm còn thiếu theo quy định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị các cấp bổ sung số lượng đội ngũ đảm bảo theo quy định

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chưa đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định, vẫn còn học sinh vượt quá tuổi

Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo quy định *[H3-1.5-02], [H3-1.5-03], [H1-1.1-04]*:

- Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Kính trọng cha mẹ, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước.

- Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.

- Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp học, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình, tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông.

- Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Học sinh của nhà trường được đảm bảo các quyền theo Điều 35 (Thông tư 32/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) *[H1-1.1-04], [H1-1.2-10]*.

Mức 2:

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Vì vậy học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. 5 năm qua nhà trường không có HS bị kỷ luật ,*[H1-1.1-04], [H1-1.2-10], [H7-1.5-01]*.

Mức 3:

05 năm qua nhà trường cũng chú trọng việc phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến. Vì vậy những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đều được tuyên dương, khen thưởng kịp thời và có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H7-1.5-02]

2. Điểm mạnh

Học sinh ngoan, các em được đảm bảo các quyền theo quy định

3. Điểm yếu

- Vẫn còn học sinh vượt quá tuổi so với quy định

- Vẫn còn một số học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Làm tốt công tác phổ cập, vận động học sinh trong độ tuổi đến trường

- Tuyên truyền giáo dục học sinh thực hiện đúng nội quy nhà trường, thực hiện tốt nhiệm vụ người học sinh

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 2/4 tiêu chí chiếm 50 %
    - Đạt Mức 1: 2/4 (2/4) tiêu chí chiếm 50 %
    - Đạt Mức 2: 1/4 (1/4) tiêu chí chiếm 25 %
    - Đạt Mức 3: 1/4 (1/4) tiêu chí chiếm 25 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường còn thiếu nhiều, chưa đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học cũng như xây dựng trường chuẩn quốc gia. Sau đây là phần đánh giá chi tiết cho từng tiêu chí:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Bế Văn Đàn có diện tích điểm chính (tiểu học) là 6183m2/233 học sinh, điểm lẻ (THCS) là 12.796m2/163 học sinh đảm bảo theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích trên 25% tổng diện tích sử dụng của trường. Khuôn viên

đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H8-3.1-01], [H8-3.1-02], [H8-3.1-03].

Trường có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh [H8-3.1-04]

Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H8-3.1-06].

Mức 2:

Diện tích rộng nhưng sân chơi chưa được quy hoạch ổn định, bãi tập chưa đảm bảo quy định tối thiểu phục vụ giảng dạy và hoạt động giáo dục ngoài giờ trong nhà trường [H8-3.1-05]

Mức 3:

Trường TH&THCS Bế Văn Đàn có diện tích điểm chính (tiểu học) là 6183m2/233 học sinh, điểm lẻ (THCS) là 12.796m2/163 học sinh đảm bảo theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích trên 25% tổng diện tích sử dụng của trường [H8-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường "xanh – sạch – đẹp".

3. Điểm yếu

- Bãi tập của học sinh có diện tích nhỏ không phù hợp cho cả hai cấp học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị cấp trên mở rộng diện tích bãi tập cho học sinh tại điểm phân hiệu bậc THCS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H8-3.2-02], *[H8-3.1-06]*.

- Các phòng học bộ môn chưa đầy đủ, hiện tại chỉ có phòng học Tin học còn các phòng bộ môn khác chưa có.

Nhà trường chưa Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, chưa đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

Nhà trường chưa có khối phục vụ học tập, chưa đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Nhà trường chưa có các phòng học, phòng học bộ môn. chưa có có đủ các thiết bị dạy học theo quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học , có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có các phòng học bộ môn, các phòng phục vụ học tập. Trang thiết bị dạy học thiếu thốn, đặc biệt là thiếu hệ thống máy tính phục vụ dạy môn tin học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị các cấp xây dựng các phòng học bộ môn, các phòng phục vụ học tập, bổ sung trang thiết bị dạy học đảm bảo đúng quy định

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường chưa có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học cho cấp 1, phòng truyền thống và hoạt động Đội nên chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

Trường có khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H8-3.3-01].

Trường đang đề nghị kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính theo kế hoạch của cấp trên

Mức 2:

Nhà trường chưa đảm bảo đầy đủ các Khối hành chính - quản trị còn thiếu phòng bảo vệ theo quy định

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị chưa có đầy đủ các thiết bị, tuy nhiên đã được xắp sếp hợp lý khoa học.

2. Điểm mạnh

Đã có đủ phòng học theo quy định. Có các trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu phục vụ cho học sinh. Có các loại máy móc phục vụ công tác quản lý và giảng dạy

3. Điểm yếu

Trường chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị đầu tư thêm hệ thống phòng chức năng, phòng học bộ môn.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H8-3.4-01]. Tuy nhiên, nhà vệ sinh bậc tiểu học đã xuống cấp, cũ nát.

Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; có hệ thống giếng khoan cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H8-3.4-02]

Nhà trường thực hiện tự thu gom rác thải và tự tiêu hủy do trên địa bàn nhà trường không có công ty thu gom rác thải và xử lý rác thải nên chưa đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

Mức 2:

Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định *[H8-3.1-03]*

Hệ thống thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống vệ sinh cho đội ngũ và học sinh đảm bảo đúng quy định

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom rác chưa đảm bảo tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Kiến nghị cấp trên sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh ở điểm chính
- Xây dựng hệ thống đốt và xử lý rác thải đúng quy định

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có các loại máy văn phòng như: máy vi tính để bàn, máy in, máy phô tô copy, máy scan để phục vụ các hoạt động của nhà trường *[H8-3.1-06]*

Chưa có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa *[H8-3.2-02]*, [H8-3.5-01].

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H8-3.5-02].

Không có đủ thiết bị dạy học theo quy định

Hằng năm, nhà trường được bổ sung các thiết bị dạy học tuy nhiên chưa đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học. Có đồ dùng, thiết bị dạy học giáo viên tự làm nhưng chưa nhiều [H8-3.5-03]

Mức 3:

Nhà trường không có phòng thiết bị, thí nghiệm

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo các thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác quản lý và làm việc

3. Điểm yếu

- Thiết bị dạy học tối thiểu dành cho 2 cấp học của nhà trường còn hạn chế. Đồ dùng dạy học tự làm còn ít.

- Không có phòng thiết bị, thí nghiệm

- Các máy móc văn phòng như máy phô tô, máy in đã sử dụng nhiều năm, đã sửa chữa nhiều lần nên đã xuống cấp, hay hư hỏng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Kiến nghị cấp trên đầu tư xây dựng phòng thiết bị thí nghiệm và cấp trang thiết bị dạy học, máy móc văn phòng.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tự làm đồ dùng dạy học cho giáo viên nhằm bổ sung thêm các đồ dùng còn thiếu cho thư viện nhà trường

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H8-3.6-01]

Hoạt động của thư viện chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, vì nhà trường chưa có thư viện

Hằng năm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo *[H8-3.1-06]*.

Mức 2:

Không có thư viện đạt chuẩn và hệ thống máy tính.

Mức 3:

Không có thư viện và hệ thống máy tính.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có một số đầu sách, truyện, báo để học sinh đọc

3. Điểm yếu

- Phòng thư viện chưa đạt chuẩn và trang thiết bị cho thư viện nhà trường chưa có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Kiến nghị cấp trên xây dựng phòng thư viện đạt chuẩn

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
    - Đạt Mức 1: 1/6 (1/6) tiêu chí chiếm 16.7 %
    - Đạt Mức 2: 0/6 (0/6) tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 3: 0/6 (0/5) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động tất cả các nguồn lực về tinh thần cũng như vật chất trong công tác xây dựng nhà trường cũng như môi trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và mục tiêu giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc giáo dục con em. Thường xuyên hỗ trợ nhà trường trong việc vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, quan tâm đến học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, đầu năm học, Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp đã tổ chức họp PHHS để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ban đại diện CMHS trường gồm có 03 thành viên. Ban đại diện CMHS của mỗi lớp gồm có 3 thành viên [H9-4.1-01].

Ban đại diện CMHS của trường xây dựng kế hoạch, quy chế, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo theo đúng quy chế và Điều lệ Ban đại diện CMHS quy định [H9-4.1-02], [H9-4.1-03]. Ban đại diện CMHS trường và nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ một năm 3 lần; Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và CMHS họp định kỳ đầu năm học, cuối kỳ 1 và cuối năm học để kịp thời trao đổi tình hình của nhà trường, của lớp, của học sinh [H9-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp trường có kế hoạch hoạt động theo năm, kì theo đúng quy định của điều lệ *[H9-4.1-02]*.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ *[H9-4.1-03]*.

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp chặ chẽ với nhà trường để thực hiện tốt kế hoạch của hội và nhiệm vụ chung với nhà trường trong công tác dạy và học; Thường xuyên tuyên truyền tới các phụ huynh và trên địa bàn trong việc thực hiện các thông tư, văn bản, tuyên truyền phổ biến pháp luật các chủ trương chính sách về giáo dục; Vận động người dân cho học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp *[H9-4.1-03]*.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh *[H9-4.1-03], [H9-4.1-05]*

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm, hoạt động theo quy định; nhà trường phối hợp hiệu quả với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và nghị quyết đầu năm học.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh còn đi làm ăn nơi xa nên việc trao đổi trực tiếp tình hình học tập của học sinh chưa được thực hiện thường xuyên, gây khó khăn trong công tác chủ nhiệm của giáo viên.

Một số ít phụ huynh học sinh chưa thực sự quan tâm đến học tập của con em, còn ỉ lại cho nhà trường. Đồng thời chưa thực sự hưởng ứng các quy định của địa phương đối với nhà trường.

Cha mẹ học sinh sống bằng nông nghiệp và hầu hết có đời sống khó khăn nên không thể huy động được nhiều để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục củng cố tổ chức ban đại diện cha me học sinh, bổ sung những thành viên tích cực tham gia Ban chấp hành; điều chỉnh quy chế hoạt động của BĐD hàng năm cho phù hợp đưa sinh hoạt định kỳ của Ban chấp hành vào nề nếp...

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hưởng ứng và làm tốt những mục tiêu mà BĐD đề ra. Phối hợp chặt chẽ giữa Ban thường trực hội phụ huynh với nhà trường để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường gặp gỡ trao đổi tình hình học tập và đạo đức của học sinh với phụ huynh học sinh của lớp.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường một cách khoa học hơn nữa để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bố trí thời gian họp phụ huynh vào các thời điểm thích hợp để phụ huynh học sinh có thể tham gia được đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Bế Văn Đàn luôn chủ động tham mưu cho Đảng Uỷ, UBND xã Đăk R'Moan về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: Kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chiến lược nhà trường... Các kế hoạch được chuẩn bị từ đầu năm học, sau khi thông qua Ban lãnh đạo trường thống nhất thì báo cáo với đại diện cấp ủy, chính quyền địa phương *[H1-1.1-01], [H6-1.8-01], [H1-1.1-04], [H1-1.2-10]*.

Nhà trường phối hợp cùng ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như qua các cuộc họp hội đồng, họp phụ huynh, họp thôn.. *[H6-1.10-08]*, *[H9-4.1-04]*, [H9-4.2-01].

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với nhà trường xây dựng phương án huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H9-4.2-02] [H9-4.2-03]. Ngoài ra, nhà trường làm tốt công tác vận động sự hỗ trợ tự nguyện bằng tiền và hiện vật từ các tổ chức, các mạnh thường quân ở địa phương và phụ huynh như hỗ trợ bảo hiểm Y tế học sinh , quần áo, tập vở, học bổng cho học sinh nghèo... [H9-4.2-04].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển *[H1-1.1-01],[H1-1.3-12], [H1-1.2-10], [H1-1.3-08],[H1-1.3-09]* .

Nhà trường chỉ đạo Tổng phụ trách Đội phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Thăm hỏi động viên các gia đình học sinh khó khăn để phụ huynh tạo điều kiện cho con em tới trường *[H1-1.3-09]*.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H9-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chủ động tham mưu cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường; tích cực tham mưu và phối hợp với UBND, công an xã Đăk R'Moan để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh. Thực hiện tốt công tác vận động, huy động các nguồn lực để kịp thời giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, khen thưởng học sinh có thành tích tốt.

3. Điểm yếu

Đời sống phụ huynh học sinh còn nhiều khó khăn trong đó 25,5% học sinh toàn trường là dân tộc thiểu số nên việc quan tâm đến học tập và hỗ trợ cho nhà trường để thực hiện tốt công tác giáo dục còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tuyên truyền hơn nữa tới phụ huynh học sinh trong việc chăm lo cho con em mình trong việc học tập.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền trong năm học 2023-2024 về việc mua bảo hiểm y tế cho học sinh đạt tỷ lệ 85% trở lên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
    - Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
    - Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Tất cả các hoạt động giáo dục, nhà trường đều thực hiện theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở SGD-ĐT tỉnh Đăk Nông, phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa quy định. Các nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị CB-VC hàng năm, nhà trường đề ra hàng loạt các biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, công tác hỗ trợ giáo dục như các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thể xã hội... và thường xuyên nâng cao hiệu quả các hoạt động. Nhà trường còn chỉ đạo các đoàn thể, các tổ chuyên môn thường xuyên rà soát các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhờ đó

hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H10-5.1-01], [H10-5.1-02]. Tuy nhiên, do thiếu hệ thống máy tính nên nhà trường chưa tổ chức dạy môn Tin học cho học sinh cấp 1.

Giáo viên vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường tuy nhiên chưa đồng đều giữa các giáo viên; Có tổ chức bồi dưỡng cho học sinh nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H10-5.1-03]

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả [H10-5.1-02], [H2-1.4-04], *[H1-1.1-04]*.

Mức 2:

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh *[H2-1.4-07], [H1-1.1-04]*.

Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H10-5.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh *[H2-1.4-06], [H1-1.1-04]*

2. Điểm mạnh

Chương trình giáo dục, quy định về chuyên môn, các hoạt động giáo dục đều được giáo viên thực hiện nghiêm túc và đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. Đảm bảo dạy học đúng, các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

- Nhiều bộ môn dạy không không đúng chuyên môn của giáo viên do thiếu giáo viên nên chất lượng chưa cao.

- Chưa tổ chức dạy môn Tin học cho học sinh tiểu học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ban Giám hiệu sẽ thường xuyên dự họp cùng tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sát hợp; tạo điều kiện để giáo viên học tập, nghiên cứu, đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học;

- Tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung giáo viên và cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống máy tính trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H10-5.2-01].

Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện *[H3-1.5-03], [H1-1.1-04]*

Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện *[H1-1.1-04]*.

Mức 2:

Nhà trường có học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục *[H1-1.1-04]*

Mức 3:

Nhà trường có học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật tham gia các cuộc thi do cấp trên tổ chức như: Học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố, Olympic THCS cấp thành phố, Sáng tạo thanh thiếu niên thành phố, Khoa học kỹ thuật cấp thành phố và cấp tỉnh, Giữ vở sạch-viết chữ đẹp cấp thành phố, Sáng tác tranh cổ động tuyên truyền "Đội mũ xinh - bảo vệ chúng mình, Quay vi deo dự thi cuộc thi sức sống Đăk Nông – Lửa hồng chiến thắng nCov...[H10-5.2-02]. Tuy nhiên, kết quả đạt giải và chất lượng chưa cao.

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Thường xuyên tổ chức dưỡng cho học sinh khó khăn.

3. Điểm yếu

Chất lượng học sinh dân tộc không cao, nhiều em chưa tập trung học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch dạy học và bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo từng môn học cho học sinh. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương *[H10-5.1-02], [H10-5.1-03], [H1-1.1-04]*

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả *[H1-1.1-04], [H10-5.3-01]*

Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương [H10-5.3-02], [H10-5.3-03]

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H10-5.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai giáo dục địa phương được lồng ghép với các môn học, giáo dục học sinh gắn với thực tiễn

3. Điểm yếu

Chương trình giáo dục địa phương một số bộ môn chưa thực sự phong phú trong nội dung tiết dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hướng dẫn giáo viên sưu tập thêm các tài liệu liên quan, xây dựng nội dung kiến thức trong các bài dạy đảm bảo phong phú và phù hợp với thực tiễn hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H10-5.4-01]

Có tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp đảm bảo tốt theo kế hoạch [H10-5.4-02]. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên chưa tổ chức được các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh [H10-5.4-03].

Mức 2:

Nhà trường có lập kế hoạch về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với học sinh. Tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực *[H10-5.4-02]*.

Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *[H1-1.1-04], [H7-1.5-01]*

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức hướng nghiệp cho học sinh và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm cho học sinh nhà trường chưa tổ chức được cho học sinh nhiều do dịch bệnh diễn biến phức tạp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cụ thể hơn và phong phú hơn trong năm học 2023-2024.

- Giáo viên chủ nhiệm đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn, hướng dẫn học sinh trong việc nhận thức, định hướng nghề cho bản thân

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xem việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh là nhiệm vụ quan trọng của mỗi năm học nên vào đầu mỗi năm học nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh đồng thời chỉ đạo cho giáo viên xem việc lồng ghép kỹ năng sông trong từng tiết dạy, từng hoạt động là việc làm cần thiết, hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống như: Làm việc theo nhóm, nhận thức vấn đề, kỹ năng quyết định, đặt mục tiêu … Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động tập thể và hoạt động GDNGLL cho học sinh như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kỹ năng hợp tác …*[H10-5.1-02], [H7-1.5-01]*. Tuy nhiên, vẫn còn một số HS chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện KNS, chưa tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường

Trong từng năm học nhà trường luôn tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác thông qua việc giảng dạy môn GDCD, tham gia viết bài dự thi An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ, tham gia Sáng tác tranh cổ động tuyên truyền "Đội mũ xinh - bảo vệ chúng mình do cấp trên tổ chức từ đó giúp các em biết tự bảo vệ chính mình *[H1-1.1-04]*

Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của học sinh thông qua những tiết chào cờ, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em

hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam *[H7-1.5-01], [H1-1.1-04], [H3-1.5-03]*

Mức 2:

Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện *[H3-1.5-03]*.

Học sinh có khả năng vận dụng kiến thức kỹ năng sống trong nhà trường vào thực tiễn như làm sản phẩm tham gia cuộc thi sáng tạo và cuộc thi khoa học kỹ thuật [H10-5.5-01]

Mức 3:

Học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn và người giám sát chỉ dẫn [H10-5.5-01], [H10-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm trường luôn quan tâm và chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, trong từng năm nhà trường đều có kế hoạch cụ thể, xây dựng từng nội dung phù hợp với lứa tuổi của các em, đồng thời chỉ đạo giáo viên xem việc lồng ghép kỹ năng sông trong từng tiết dạy, từng hoạt động là việc làm cần thiết, hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

3. Điểm yếu

- Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện kĩ năng sống, chưa tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường

- Khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn và người giám sát chỉ dẫn có nhưng còn ít

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các chương trình lồng ghép kỹ năng sống vào trong giảng dạy, tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp, để từ đó giúp học sinh nhận biết rõ hơn về tầm quan trọng của việc vận dụng kỹ năng sống đã học trong nhà trường vào trong cuộc sống.

- Bồi dưỡng, tạo điều kiện cho học sinh bước đầu biết nghiên cứu khoa học và công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:
- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.
- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường *[H10-5.3-01], [H1-1.1-04]*.

+ Bậc THCS: Tổng số: 150 em

- Học lực:

+ Khối 6,7,8: Tổng số : 111 em
Tốt: 8 em đạt tỷ lệ 7,21%
Khá: 36 em đạt tỷ lệ: 32,43%
TB: 67 em đạt tỷ lệ : 60,36%

+ Khối 9: 39 em
Giỏi đạt 5 em đạt tỷ lệ 12,82%
Khá: 19 em đạt tỷ lệ 48,72%
TB: 15 em đạt tỷ lệ 36,46 %
Yếu: 0 em đạt tỷ lệ 0 %

- Hạnh kiểm:

+ Khối 6,7,8 Tốt : 102 em đạt tỉ lệ 91,89%, Khá: 9 em đạt tỉ lệ: 8,11%.

+ Khối 9 : Tốt: 39 em đạt tỉ lệ: 100%, Khá: 0 em

+ *Bậc tiểu học*: Tổng số: 186 em

- 183 em học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 98,5%
- 3 em học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học đợt 1 đạt tỉ lệ 1,5%(Khối lớp 1: 2em, Khối lớp 2: 1 em, Khối 4: 1em

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường *[H10-5.3-01], [H1-1.1-04]*.

+ Tiểu học:

- Tỷ lệ lên lớp thẳng đạt 98 %
- Tỷ lệ lên lớp sau khi kiểm tra lại đạt khoản 98,5 %
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

+ Trung học cơ sở:

- Tỷ lệ lên lớp thẳng đạt 100% %
- Tỷ lệ lên lớp sau khi thi lại đạt khoản 100 %
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 100%.

Hàng năm học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tiếp tục theo học cấp 2 đạt 100%. Học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT và học nghề đạt kế hoạch đề ra (tỷ lệ học sinh tiếp đi học THPT và học nghề khoảng 80% trở lên) *[H1-1.1-04]*

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh chưa có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

Tỷ lệ học sinh lên lớp chưa có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh chưa đạt yêu cầu theo quy định

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban vượt quá quy định

2. Điểm mạnh

Không

3. Điểm yếu

- Chất lượng giáo dục vẫn chưa đảm bảo quy định

- Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành và bỏ học vẫn còn

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, đảm bảo theo quy định trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo để tăng số học hoàn thành chương trình lớp ở bậc tiểu học cao hơn với năm học 2022-2023

- Hạn chế tối đa để không có học sinh bỏ học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 2/6 tiêu chí chiếm 33.4 %
    - Đạt Mức 1: 4/6 (4/6) tiêu chí chiếm 66.7 %
    - Đạt Mức 2: 3/6 (3/6) tiêu chí chiếm 50 %
    - Đạt Mức 3: 3/6 (2/4) tiêu chí chiếm 50 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Không có

3. Điểm yếu

Kế hoạch của nhà trường chưa tham khảo chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường thông qua mạng internet tham khảo nội dung chương trình tiên tiến của các nước trên thế giới để vận dụng những nội dung phù hợp với thực trạng của đơn vị nhằm nâng chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường chưa thực hiện được việc cho 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

2. Điểm mạnh

Một số GV tích cực đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học theo hướng phân hóa đối tượng học sinh, phát huy năng khiếu HS, quan tâm, phối hợp cùng các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho HS có hoàn cảnh khó khăn được tham gia học tập tốt.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên còn tổ chức các hình thức dạy học chưa theo định hướng phân hóa đối tượng HS.

Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con nên mặt dù nhà trường, giáo viên đã vận động, tạo điều kiện cho học sinh khó khăn tham gia học tập nhưng học sinh vẫn bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường tổ chức chuyên đề, tạo điều kiện để GV được tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với những đơn vị thực hiện tốt việc tổ chức dạy học theo đối tượng học sinh.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng các năm đều đạt giải.

3. Điểm yếu

Số lượng tham gia còn ít, đạt giải chưa cao

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Động viên, khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường chưa có thư viện chuẩn

2. Điểm mạnh

Không

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng để xây dựng thư viện chuẩn; chưa có nhân viên thư viện chuyên trách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu lãnh đạo các cấp sớm đầu tư xây dựng thêm các phòng chức năng và tham mưu xin viên chức được đào tạo chuyên ngành thư viện trong năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Không

3. Điểm yếu

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường phải nỗ lực phát huy những điểm mạnh để trong những năm tiếp theo được nhận cờ, bằng khen của khối thi đua.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có những biện pháp gì để đạt kết quả giáo dục. Tuy nhiên chưa đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường trong thành phố.

2. Điểm mạnh

Không

3. Điểm yếu

Chưa đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các Trường trong thành phố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, nhà trường có kế hoạch để nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vượt trội so với các trường trong thành phố.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

Đội ngũ CBQL trẻ, giáo viên trẻ năng động đã và đang nghiên cứu các tài liệu, chương trình của các nước.

Trong qúa trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, nhà trường chưa đưa được các chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới vào áp dụng vào nhà trường. Chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và nâng cao chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn khu vực và thế giới.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
    - Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %
    - Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16.7 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
    - Không đạt: 9/28 tiêu chí chiếm 32.2 %
    - Đạt Mức 1: (19/28) (19/28) tiêu chí chiếm 67.9 %
    - Đạt Mức 2: (15/28) (15/28) tiêu chí chiếm 53.6 %
    - Đạt Mức 3: (15/28) (9/20) tiêu chí chiếm 53.6 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
    - Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.4 %

- Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16.7 %

Qua phần tự kiểm tra đánh giá lại quá trình thực hiện công tác trong 03 năm trở lại đây nhà trường nhận thấy:

Nhà trường không ngừng vươn lên để đáp ứng yêu cầu công tác ngày mỗi đòi hỏi cao hơn. Công tác tự học tự bồi dưỡng được quan tâm đúng mức. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, có ý chí phấn đấu phục vụ cho ngành lâu dài. Trình độ tay nghề chuyên môn của giáo viên khá vững vàng, ổn định.

Các tổ chức, đoàn thể, các tổ chuyên môn của trường hoạt động tốt, được công nhận vững mạnh.

Cơ sở vật chất nhà trường hàng năm được tu sửa, bổ sung, tạo điều kiện tốt cho công tác dạy học.

Nhà trường có nhiều cố gắng trong công tác nâng cao chất lượng học tập của học sinh, trong đó nhà trường đã chú ý đến phong trào mũi nhọn học sinh giỏi. Hàng năm số lượng học sinh của nhà trường tham gia thi học sinh giỏi ở thành phố, tỉnh đạt kết quả khả quan.

Công tác phối kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường và ban thường trực hội cha mẹ học sinh để hỗ trợ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học rất tốt.

Tuy nhiên, trường vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần có kế hoạch cải thiện như: tỷ lệ học sinh mũi nhọn còn hạn chế, tỉ lệ học sinh yếu vẫn còn, tỷ lệ bỏ học giữa chừng có giảm nhưng còn cao so với mặt bằng của toàn thành phố, tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh còn ít.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường TH&THCS Bế Văn Đàn tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 0 và chưa đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường TH&THCS Bế Văn Đàn tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 0 và Không đạt trường chuẩn Quốc Gia.

ĐắkRmoan, ngày 3 .tháng 6. năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Hương

Phần IV
PHỤ LỤC